

CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG

Tên ngành: KỸ THUẬT HÌNH ẢNH Y HỌC

Mã ngành: 6720601

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Hình thức đào tạo: Chính quy

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương.

Thời gian đào tạo: 03 năm

1. Mục tiêu đào tạo

1.1 Mục tiêu chung

Đào tạo người KTV Hình ảnh Y học trình độ cao đẳng có kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở, kiến thức - kỹ năng chuyên ngành để thực hiện các kỹ thuật hình ảnh y học phục vụ yêu cầu chẩn đoán và điều trị; có phẩm chất đạo đức tốt, tinh thần trách nhiệm cao và tác phong thận trọng, chính xác; có khả năng tự học và nghiên cứu khoa học đáp ứng nhu cầu chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân.

1.2 Mục tiêu cụ thể

a) Về kiến thức

- Có kiến thức khoa học cơ bản và tin học, ngoại ngữ để phục vụ công tác chuyên môn
- Có đủ kiến thức về y học cơ sở, nguyên lý kỹ thuật- công nghệ và kiến thức chuyên ngành thuộc ngành Kỹ thuật y học;
- Hiểu biết các nguyên lý, qui tắc, quy trình cơ bản trong vận hành, bảo quản, bảo dưỡng một số loại trang thiết bị thuộc ngành Kỹ thuật y học;
- Có kiến thức về pháp luật và chính sách về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

b) Về kỹ năng

- Thực hiện kỹ thuật chụp X. Quang quy ước các bộ phận cơ thể: đầu, mặt, cổ, lồng ngực, bụng, cột sống, chi;
- Thực hiện các quy định chụp X. Quang có dùng thuốc cản quang, không dùng thuốc cản quang và siêu âm độc lập hoặc phối hợp với đồng nghiệp;
- Phối hợp với bác sỹ X. Quang, bác sỹ siêu âm và bác sỹ lâm sàng để thực hiện những kỹ thuật chụp X. Quang và siêu âm nhằm đáp ứng yêu cầu chẩn đoán bệnh.
- Tham gia cùng Bác sỹ thực hiện các kỹ thuật hình ảnh can thiệp trên bệnh nhân
- Tham gia tổ chức và đào tạo cán bộ hình ảnh và các nhân viên y tế ở trình độ thấp hơn.
- Có khả năng tham gia vào công tác nghiên cứu khoa học.

- Tham gia đào tạo và tự đào tạo để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

c) Mức độ tự chủ và trách nhiệm

- Tận tụy với sự nghiệp bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân, hết lòng phục vụ người bệnh;

- Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp;

- Trung thực, khách quan, nghiêm túc trong công việc chuyên môn, có tinh thần nghiên cứu khoa học và học tập vươn lên.

1.3. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

Kỹ thuật viên Hình ảnh Y học sau khi tốt nghiệp có thể làm việc tại Khoa Chẩn đoán Hình ảnh các bệnh viện từ tuyến cơ sở đến tuyến TW, tại các cơ sở Y tế tư nhân, hướng dẫn thực hành tại các cơ sở đào tạo ngành Kỹ thuật Hình ảnh trung cấp và Cao đẳng.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học, mô đun: 31

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 99 tín chỉ

- Khối lượng các môn học chung/ đại cương: 435 giờ

- Khối lượng các môn học mô đun chuyên môn: 1920 giờ

- Khối lượng lý thuyết: 825 giờ, Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1620 giờ

3. Nội dung chương trình

Mã MH/ MĐ	Tên môn học/mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/thí nghiệm/bài tập/thảo luận	Kiểm tra
I	CÁC MÔN HỌC CHUNG	21	435	157	255	23
MH01	Giáo dục Chính trị	5	75	41	29	05
MH02	Pháp luật	2	30	18	10	02
MH03	Tiếng Anh	5	120	42	72	06
MH04	Tin học	3	75	15	58	02
MH05	Giáo dục thể chất	2	60	05	51	04
MH06	GD Quốc phòng và An ninh	4	75	36	35	04
II	CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN CHUYÊN MÔN	75	1920	668	1193	59
II.1	MÔN HỌC, MÔ ĐUN CƠ SỞ	36	660	434	208	18
II.1.1	Sinh học đại cương và Di truyền	2	30	29	0	1
II.1.2	Hóa sinh	2	30	29	0	1
II.1.3	Vi Sinh - Ký sinh trùng	2	30	25	04	1
II.1.4	Giải phẫu	4	90	30	58	2
II.1.5	Sinh lý học	2	30	29	0	1
II.1.6	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	2	30	29	0	1
II.1.7	Giải phẫu bệnh	2	45	14	30	1
II.1.8	Mô phôi	2	45	14	30	1
II.1.9	Dược lý	2	30	29	0	1

II.1.10	Dịch tễ - Giáo dục sức khỏe- Sức khỏe môi trường	4	75	45	28	2
II.1.11	Tổ chức y tế - Đạo đức Y học - Tâm lý con người	3	45	44	0	1
II.1.12	Dinh dưỡng - An toàn thực phẩm	2	30	29	0	1
II.1.13	Điều dưỡng cơ bản	3	90	30	58	2
II.1.14	Bệnh học cơ sở	4	60	58	0	2
II.2	MÔN HỌC, MÔ ĐUN CHUYÊN MÔN	26	540	234	281	25
II.2.1	Vật lý tia X - Điện kỹ thuật	2	30	28	0	2
II.2.2	Kỹ thuật X quang không dùng thuốc cản quang 1	3	75	15	57	3
II.2.3	Kỹ thuật X quang không dùng thuốc cản quang 2	3	75	15	57	3
II.2.4	Kỹ thuật bùồng tối	2	45	15	27	3
II.2.5	Kỹ thuật X quang có dùng thuốc cản quang	2	45	15	28	2
II.2.6	Giải phẫu X quang	3	45	44	0	1
II.2.7	Y học hạt nhân và xạ trị	2	30	29	0	1
II.2.8	Kỹ thuật Chụp cắt lớp vi tính và Cộng hưởng từ	2	45	15	28	2
II.2.9	Quản lý khoa X quang và bảo trì máy	2	45	15	28	2
II.2.10	Kỹ thuật siêu âm	2	45	15	28	2
II.2.11	Chẩn đoán hình ảnh X quang	3	60	28	28	4
III	PHẦN TT TỐT NGHIỆP	13	720	0	704	16
III.1	Thực tập lâm sàng 1	3	180	0	176	4
III.2	Thực tập lâm sàng 2	3	180	0	176	4
III.3	Thực tập lâm sàng 3	3	180	0	176	4
III.4	Thực tập tốt nghiệp	4	180	0	176	4

IV	PHÂN TỐT NGHIỆP	3	90	0	90	0
IV.1	Đánh giá năng lực cuối khóa	3	90	0	90	0
	Tổng số	99	2445	825	1538	82